

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày: 23/02/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hà.

Các hội thẩm dân nhân: Ông Nghiêm Đình Chế.

Ông Nguyễn Thế Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 76/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-KDTM ngày 10/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-KDTM ngày 25/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H T X V N

Địa chỉ trụ sở chính: Số N04 H Đ T, phường T H, quận C G, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Q C; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn N T, chức vụ: Quyền Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh - Ngân hàng H T X V N

- Người được ủy quyền lại:

+ Ông Nguyễn M H, chức vụ: Phó phòng TD & CSTV (có mặt).

+ Bà Đinh H T; chức vụ: Cán bộ TD & CSTV (có mặt).

Bị đơn: + Ông Nguyễn B B, sinh năm 1965 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn T T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

(Bà Nguyễn T T ủy quyền cho ông Nguyễn B B tham gia tố tụng).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn B B, sinh năm 1987 (vắng mặt).
+ Chị Nguyễn T P T, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Cùng trú tại: Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các bản khai tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn B B và Bà Nguyễn T T vay vốn của Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: TCHYP00901/HĐTD ký ngày 11/07/2016 và Giấy nhận nợ/ Văn bản tín dụng kèm theo, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số TCHYP00901/HĐTD ký ngày 11/07/2016; số tiền vay là 300.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng; Lãi suất 10.2%/năm; Mục đích vay là sản xuất, kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là thửa đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số S 752998 do UBND Huyện Yên Phong cấp ngày 17/05/2001 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất mang tên ông Nguyễn B B số 206, diện tích: 205m² tại Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, Tỉnh Bắc Ninh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01TCYP366/HĐTC ngày 04/07/2014; Đăng ký giao dịch đảm bảo Quyền số 03, số thứ tự 41, số công chứng: 2112/2014/HĐTC ngày 04/07/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn B B và Bà Nguyễn T T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo qui định tại khoản 4 điều 2 và điều 3 của HĐCV. Do đó các khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/06/2018 với mức lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn. (từ ngày 11/07/2016 đến ngày 29/04/2021 gia đình ông Ban bà Thịnh đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền lãi là: 16.005.000 đồng, gốc là: 0 đồng). Cán bộ tín dụng Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh đã nhiều lần vào đơn đốc, động viên gia đình ông Nguyễn B B thanh toán nợ gốc và lãi vay. Tuy nhiên gia đình ông Nguyễn B B không có thái độ hợp tác, không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn B B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo qui định tại khoản 4 điều 2 và điều 3 của HĐCV. Sau khi khoản vay chuyển sang nợ xấu, NH hợp tác xã Việt Nam đã nhiều lần gọi điện, gặp trực tiếp để trao đổi, gửi thông báo, văn bản liên quan tạo điều kiện cho Ông Nguyễn B B và Bà Nguyễn T T có thêm thời gian để trả nợ.

Tạm tính đến ngày 23/02/2022, Ông Nguyễn B B và Bà Nguyễn T T còn nợ NH hợp tác xã Việt Nam tổng số tiền là: 543.104.210 đồng (trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng; nợ lãi là 243.104.210 đồng).

Nay NH hợp tác xã Việt Nam đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh giải quyết:

+ Buộc ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T phải trả cho NH hợp tác xã Việt Nam, tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2022 là: 543.104.210 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu một trăm linh bốn nghìn hai trăm mười đồng chẵn) và toàn bộ lãi phát sinh tính đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong HĐTD.

+ Trường hợp Ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01TCYP366/HĐTC ngày 04/07/2014; Đăng ký giao dịch đảm bảo Quyền số 03, số thứ tự 41, số công chứng: 2112/2014/HĐTC ngày 04/07/2014 là toàn bộ giá trị theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số S 752998 do UBND Huyện Yên Phong cấp ngày 17/05/2001 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất mang tên ông Nguyễn B B số 206, diện tích: 205m² tại Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, Tỉnh Bắc Ninh.

+ Trường hợp tài sản nêu trên không đủ bảo đảm thanh toán cho nghĩa vụ của khoản vay thì Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có quyền yêu cầu Ông Nguyễn B B và Bà Nguyễn T T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Bản án của Tòa án cho đến khi hết toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng H T X V N

+ Về án phí: Ông Nguyễn B B và Bà Nguyễn T T chịu toàn bộ án phí và chi phí liên quan.

+ Về chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn B B (bà Thịnh ủy quyền cho ông Ban) trình bày:*

Vào năm 2016, do có nhu cầu bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ nên gia đình ông có đề xuất vay Ngân hàng H T X V N Sau khi thỏa thuận thì vợ chồng ông ký các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: TCHYP00901/HĐTD ký ngày 11/07/2016; Số tiền vay: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: 10.2%/năm; Mục đích vay: Sản xuất, kinh doanh đồ mỹ nghệ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 752998 mang tên hộ ông Nguyễn B B; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 17/5/2001; số vào sổ cấp GCN: 00003/QSDĐ/QĐ số 203. Thửa đất trên thuộc thửa đất số: 206; diện tích 205m², tại địa chỉ: Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

Nay Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông phải trả cả nợ gốc và nợ lãi và nợ lãi quá hạn như tại bản sao kê, vợ chồng ông xác nhận hợp đồng vay, số nợ gốc và thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vợ chồng ông cũng đồng ý trả cả gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên đang trong giai đoạn làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông đề nghị Ngân hàng giãn nợ để vợ chồng ông thu xếp. Ông đề nghị Ngân hàng giảm lãi để gia đình ông có khả năng trả nợ.

Đối với các con ông là anh Biên và chị Thuỳ, các văn bản ông nhận của Tòa án ông đều giao lại cho các cháu, tuy nhiên, tài sản thế chấp tuy đứng tên hộ nhưng là tài sản của ông – Nguyễn B B, đối với số tiền vay cũng do ông

quản lý nên các cháu không đồng ý lên Toà án làm việc. Ông không thể cung cấp số điện thoại của các con ông được. Riêng anh Biên vẫn đang ở cùng nhà với ông, việc Ngân hàng khởi kiện anh có biết nhưng không tham gia tố tụng.

* Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn B B, sinh năm 1987 và chị Nguyễn T P T, sinh năm 1988 là các con của ông Ban, bà Thịnh. Quá trình giải quyết vụ án, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của anh Biên, chị Thùy trong vụ án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông Ban, bà Thịnh nhận thay và cam kết giao cho anh Biên, chị Thùy. Trong quá trình giải quyết vụ án và đến phiên tòa hôm nay, anh Biên và chị Thùy vẫn không có ý kiến gì và vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy anh Biên, chị Thùy đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án này. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn trong vụ án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa tuân thủ theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ:

+ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
+ Các Điều 317, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
+ Các Điều 91, 92, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

+ Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H T X V N

+ Buộc ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T phải trả cho NH hợp tác xã Việt Nam, tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2022 là: 543.104.210 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu một trăm linh bốn nghìn hai trăm mười đồng chẵn) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 24/02/2022 đến khi trả hết nợ theo HĐTD đã ký.

+ Trường hợp ông Ban và bà Thảo không trả được nợ thì Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+ Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T có HKTT tại thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Căn cứ vào giao kết của các bên đều có mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại. Đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cụ thể là của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong; bị đơn là ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T có HKTT tại thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Yên Phong giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Do vậy HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số: TCHYP00901/HĐTD ký ngày 11/07/2016 giữa Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam ông Ban, bà Thịnh ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về cho vay tài sản. Vì vậy xác định đây là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên, nên cần căn cứ vào các điều khoản quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu chứng cứ do bên nguyên đơn cung cấp: Theo giấy nhận nợ Ngân hàng cho vợ chồng ông Ban, bà Thịnh vay số tiền là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: 10.2%/năm; Mục đích vay: Sản xuất, kinh doanh đồ mỹ nghệ. Ông Ban bà Thịnh đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền lãi là: 16.005.000 đồng, gốc là: 0 đồng). Từ đó đến nay ông Ban, bà Thịnh chưa trả được cho Ngân hàng khoản tiền nào nữa. Vì vậy, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi: Tại hợp đồng cho vay quy định lãi suất cho vay được xác định từ khi giải ngân theo thỏa thuận các bên điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Xét các quy định về lãi suất trong hợp đồng cho vay có hạn mức là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Theo phiếu tính lãi của Ngân hàng thì tính đến ngày đến ngày 23/02/2022, ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T còn nợ NH hợp tác xã Việt Nam tổng số tiền là: 543.104.210 đồng (trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng; nợ lãi là 243.104.210 đồng). Việc tính lãi như trên là đúng theo hợp đồng cho vay có thời hạn và giấy nhận nợ, nên ông Ban và bà Thịnh phải có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi trên cho Ngân hàng H T X V N

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Ban, bà Thịnh phải trả cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tính đến ngày 23/02/2022 là: 543.104.210đ (Năm trăm bốn ba triệu, một trăm linh tư nghìn, hai trăm mười đồng).

- Về tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 752998 mang tên hộ ông Nguyễn B B; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 17/5/2001; số vào sổ cấp GCN: 00003/QSĐĐ/QĐ số 203. Thửa đất trên thuộc thửa đất số: 206; diện tích 205m², tại địa chỉ: Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh.

Các điều khoản trong hợp đồng thế chấp không trái với quy định của luật, không trái đạo đức xã hội, các bên thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bị đơn có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Việc Nguyên đơn yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, hoặc chỉ trả nợ được một phần là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, phía bị đơn có lỗi nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 318, 323, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 92; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H T X V N

2. Buộc ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T phải trả cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2022 là: 543.104.210 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu, một trăm linh bốn nghìn, hai trăm mười đồng chẵn). Trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); nợ lãi là 243.104.210 đồng (Hai trăm bốn ba triệu, một trăm linh tư nghìn, hai trăm mười đồng).

Kể từ ngày 24/02/2022, ông Ban và bà Thịnh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn B B và bà Nguyễn T T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất thửa đất số: 206; diện tích 205m², tại địa chỉ: Thôn Đ C, xã L C, huyện Y P, tỉnh Bắc Ninh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 752998 mang tên hộ ông Nguyễn B B; do Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 17/5/2001; số vào sổ cấp GCN: 00003/QSĐĐ/QĐ số 203.

4. Về án phí: Nguyễn B B và bà Nguyễn T T phải chịu 25.724.000 đồng (Hai mươi năm triệu, bảy trăm hai bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.260.000 đồng (Mười hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0004115 ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về lệ phí tố tụng: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tự nguyện chi và tự nguyện chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Xác nhận Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đã nộp đủ số tiền này).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Hà